

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 4 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Kim Quy;
2. Ông Lê Thanh Hùng.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Thế Anh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông Trần Minh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị HC, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp X, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Hiền T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: 35 ĐH, phường A, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, là Luật sư, Văn phòng Luật sư CL thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khố SN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/5/2018 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Lê Thị HC trình bày: Nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 (sau khi sinh đứa con thứ hai) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng trong làm ăn dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nguyên đơn đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân hơn hai năm, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/10/2006 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 17/6/2013. Vợ chồng ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên nguyên đơn đề nghị từ chối hòa giải, xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T thống nhất lời khai của nguyên đơn về xác lập quan hệ hôn nhân và điều kiện chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, chí hướng làm ăn và xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không chung sống với nhau hơn hai năm và không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay bị đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Lê Thị HC. Về con chung: Vợ chồng có hai chung như chị Lê Thị HC trình bày. Vợ chồng ly hôn, bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị HC cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn đồng ý giao hai con chung cho chị HC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình nguyện vọng ngày 09/10/2018 và ngày 25/3/2019 cháu Nguyễn Đình P có nguyện vọng được sống cùng mẹ và em trai. Trường hợp cha mẹ ly hôn mà mỗi người nuôi một đứa thì có nguyện được sống cùng cha, để em trai Nguyễn Đình Th sống cùng mẹ.

Tại bản luận cứ ngày 04/4/2019 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn gửi Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xét xử chị Lê Thị HC được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao hai con chung cho chị Lê Thị HC trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh T tranh chấp về nuôi con thì giao cháu Nguyễn Đình P cho anh T nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Đình Th cho chị HC nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An và được cung cấp thông tin như sau: Chị Lê Thị HC và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn chị HC và anh T chung sống ở thành phố Hồ Chí Minh nên quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, địa phương không nắm rõ. Khoảng tháng 8/2018 anh Nguyễn Văn T về địa phương sinh sống cùng bố đẻ là ông Nguyễn Đình H tại khối SN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An nhưng không đưa vợ, các con về sống chung. Về con chung của chị HC và anh T, địa phương không rõ vì không sinh sống và khai sinh tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tình cảm: Chị Lê Thị HC được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/10/ 2006 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Lê Thị HC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do chị Lê Thị HC không yêu cầu.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Lê Thị HC và anh Nguyễn Văn T có đăng ký tạm trú tại phường B, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/5/2018 chị HC đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập chứng cứ và xác định: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại khối SN, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định chuyển vụ án và Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị HC, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đầy đủ bản khai, bản luận cứ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị HC và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số I/2006, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của UBND xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, chí hướng làm ăn và xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã hơn hai năm. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia

đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lê Thị HC và anh Nguyễn Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị HC được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đình P, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013. Hội đồng xét xử nhận định: Trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay các con chung do chị Lê Thị HC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tại tỉnh Bến Tre; các con chung của vợ chồng học tập ổn định, phát triển bình thường, cháu Nguyễn Đình P có nguyện vọng được sống cùng mẹ và em trai. Chị Lê Thị HC yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi các con trưởng thành. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T đồng ý giao hai con chung cho chị Lê Thị HC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị Lê Thị HC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng các bên và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị HC không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị HC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị HC và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung Nguyễn Đình P, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Đình Th, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 cho chị Lê Thị HC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do chị Lê Thị HC không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thị HC phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008331 ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chị Lê Thị HC đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự; người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lại**